

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao bổ sung, điều chỉnh
kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm
(2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
trung ương giai đoạn 2021- 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và
điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia
tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Thực hiện Công văn số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-
CP;*

*Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà
nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

*Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND, ngày 09 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao bổ sung, điều chỉnh kế*

hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

1. Điều chỉnh 02 chỉ tiêu, nhiệm vụ Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao tại khoản 1 và điểm b, khoản 2 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Điều chỉnh nội dung tại khoản 1: Có 04 đơn vị cấp huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Điều chỉnh nội dung tại điểm b, khoản 2: Có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh lên 20%.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021- 2025, với số vốn 59.190 triệu đồng, như sau:

- Phân bổ cho huyện Krông Ana để thực hiện mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương về Chương trình OCOP, với số vốn 10.000 triệu đồng.

- Phân bổ cho 13 huyện có xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 58/QĐ-UBND, nhưng đến hết năm 2022 chưa đạt chuẩn, theo nguyên tắc cứ mỗi xã đăng ký đạt chuẩn được tính 10 điểm, với tổng số vốn là 49.190 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021- 2025 giao tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm số vốn 17.655 triệu đồng kế hoạch 2021 -2025 đã giao tại Số thứ tự thứ 3, Mục I Phụ lục II.

- Điều chỉnh tăng số vốn 17.655 triệu đồng kế hoạch 2021-2025 giao cho huyện Buôn Đôn tại Số thứ tự 9, Mục III, Phụ lục II.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết

quả thực hiện tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 -2025***(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025 đã giao tại Nghị quyết số 27/NQ- HDND	Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 -2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Cấp huyện				
1	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Huyện	4	4	
2	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Huyện	1		Không giao mục tiêu
II	Cấp xã				
1	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	65,79	65,79	
2	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới nâng cao	%	30	20	Điều chỉnh giảm mục tiêu
3	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	%	5	5	
4	Số tiêu chí bình quân mỗi xã	tiêu chí/xã	17,1	17,1	

Phụ lục II

**GIAO BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 05 NĂM (2021 - 2025)
CHO CÁC HUYỆN CÓ XÃ ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN TRONG KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC UBND
TỈNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 58/QĐ-UBND, NHƯNG ĐẾN
HẾT NĂM 2022 CHƯA ĐẠT CHUẨN**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch vốn ĐTPT giao bổ sung giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn NSTW)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
	TỔNG CỘNG	59.190	
I	Phân bổ để thực hiện mô hình Chương trình OCOP	10.000	
1	Huyện Krông Ana	10.000	
II	Phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố theo nguyên tắc, tiêu chí	49.190	
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	-	
2	Thị xã Buôn Hồ	-	
3	Huyện Cư M'gar	1.890	
4	Huyện M'Đrăk	1.890	
5	Huyện Ea Kar	7.580	
6	Huyện Ea H'leo	1.890	
7	Huyện Cư Kuin	5.680	
8	Huyện Krông Ana	3.780	
9	Huyện Buôn Đôn	3.780	
10	Huyện Krông Năng	5.680	

11	Huyện Krông Bông	1.890	
12	Huyện Krông Pắc	5.680	
13	Huyện Krông Búk	1.890	
14	Huyện Lắk	3.780	
15	Huyện Ea Súp	3.780	

Phụ lục III

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025 đã giao tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/8/2022			Điều chỉnh		Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Tăng	Giảm	Tổng cộng	Trong đó:		
			NSTW	NST				NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG	1.557.770	657.770	900.000	17.655	17.655	1.557.770	657.770	900.000	
I	Phân bổ cho các nội dung đã và đang triển khai thực hiện	914.813	423.874	490.939	-	17.655	897.158	423.874	473.284	
1	Phân bổ cho các dự án quyết toán, hoàn thành và chuyển tiếp	12.134	-	12.134	-	-	12.134	-	12.134	
2	Phân bổ cho các dự án khởi công mới đầu tư theo cơ chế thông thường năm 2021	700.000	244.850	455.150	-	-	700.000	244.850	455.150	

3	Phân bổ cho xã đăng ký đạt chuẩn năm 2022 và tiền đề	202.679	179.024	23.655	-	17.655	185.024	179.024	6.000	
a	Cơ chế đầu tư đặc thù	66.421	60.421	6.000	-	-	66.421	60.421	6.000	
b	Cơ chế đầu tư thông thường	136.258	118.603	17.655	-	17.655	118.603	118.603	-	
-	<i>Nhu cầu còn thiếu cần tiếp tục phân bổ</i>	136.258	118.603	17.655		17.655	118.603	118.603	-	Điều chỉnh giảm phần vốn ngân sách tỉnh
II	Phân bổ khen thưởng công trình phúc lợi	65.000	-	65.000	-	-	65.000	-	65.000	
III	Phần còn lại phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố theo nguyên tắc, tiêu chí	577.957	233.896	344.061	17.655	-	595.612	233.896	361.716	
1	Buôn Ma Thuột	44.500	18.000	26.500			44.500	18.000	26.500	
2	Buôn Hồ	38.500	15.500	23.000			38.500	15.500	23.000	
3	Cư M'Gar	48.500	19.500	29.000			48.500	19.500	29.000	
4	M'Đrăk	25.000	10.000	15.000			25.000	10.000	15.000	
5	Ea Kar	53.000	21.000	32.000			53.000	21.000	32.000	
6	Ea H'leo	30.000	12.000	18.000			30.000	12.000	18.000	
7	Cư Kuin	39.000	15.500	23.500			39.000	15.500	23.500	
8	Krông Ana	49.500	20.000	29.500			49.500	20.000	29.500	

9	Buôn Đôn	30.000	12.000	18.000	17.655		47.655	12.000	35.655	Phần vốn điều chỉnh tăng để tập trung hỗ trợ đầu tư hoàn thiện tiêu chí số 6 - CSVC văn hóa, tiêu chí số 2 - Giao thông, tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai cho 02 xã phần đầu đạt chuẩn 2021 - 2025
10	Krông Năng	42.000	17.000	25.000			42.000	17.000	25.000	
11	Krông Bông	27.000	11.000	16.000			27.000	11.000	16.000	
12	Krông Pắc	67.000	27.000	40.000			67.000	27.000	40.000	
13	Krông Búk	27.957	12.896	15.061			27.957	12.896	15.061	
14	Lắk	29.500	12.000	17.500			29.500	12.000	17.500	
15	Ea Súp	26.500	10.500	16.000			26.500	10.500	16.000	